

Số: **670**/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày **18** tháng **3** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tư pháp ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 5050/QĐ-ĐHLHN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội.

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Bá Bình

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ,
CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 1**

(Kèm theo Quyết định số **670** /QĐ-ĐHLHN ngày **08** tháng **3** năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Stt	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Loại chứng chỉ	Đạt trình độ	Cơ sở cấp chứng chỉ
1	Nguyễn Mai Hương	432918	4329	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 3/6	IIG Việt Nam
2	Nguyễn Thu Trang	442750	4427	IELTS	Bậc 5/6	British Council
3	Nguyễn Đăng Triệu	4435060	4435	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
4	Trần Phương Anh	450629	4506	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 3/6	IIG Việt Nam
5	Ngô Minh Hằng	450634	4506	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
6	Nguyễn Đức Dũng	452838	4528	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
7	Trần Văn Bắc	460111	4601	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
8	Nguyễn Ngọc Linh Chi	460112	4601	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 5/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
9	Nguyễn Hồng Nhung	460139	4601	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
10	Nguyễn Minh Phương	460161	4601	IELTS	Bậc 4/6	British Council
11	Vũ Quỳnh Trang	460260	4602	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
12	Trần Thị Thanh Huyền	460417	4604	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
13	Trịnh Đình San	460435	4604	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
14	Dương Ngọc Hà	460457	4604	IELTS	Bậc 4/6	British Council
15	Lưu Hoàng Anh	460503	4605	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
16	Phạm Ngọc Diệp	460508	4605	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
17	Lê Anh Quân	460538	4605	IELTS	Bậc 4/6	British Council
18	Lê Quỳnh Trang	460547	4605	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Hà Nội
19	Phan Thu Trang	460548	4605	Aptis ESOL	Bậc 4/6	British Council
20	Lê Đức Hùng	460720	4607	IELTS	Bậc 4/6	British Council
21	Hoàng Khánh Linh	460726	4607	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
22	Nguyễn Minh Thủy	460846	4608	IELTS	Bậc 5/6	British Council
23	Nguyễn Thị Hà My	461031	4610	IELTS	Bậc 4/6	British Council
24	Nguyễn Minh Phương	461038	4610	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
25	Phạm Hà My	461129	4611	IELTS	Bậc 4/6	British Council
26	Nguyễn Bình Minh	461329	4613	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Hà Nội
27	Trần Thị Hồng Ánh	461505	4615	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 3/6	IIG Việt Nam
28	Trần Khánh Linh	461735	4617	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
29	Nguyễn Ngọc Diệp	461809	4618	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
30	Lê Thị Hương Giang	461916	4619	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
31	Nguyễn Việt Hà	461918	4619	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
32	Vũ Thị Kim Oanh	462138	4621	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
33	Lê Trần Hoài Hiếu	462210	4622	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam

34	Nguyễn Minh Ngọc	462225	4622	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
35	Ngô Nhật Nguyệt Anh	462304	4623	IELTS	Bậc 5/6	British Council
36	Nguyễn Kim Anh	462306	4623	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
37	Phạm Ngọc Diệp	462315	4623	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
38	Nguyễn Bảo Vi	462653	4626	IELTS	Bậc 5/6	British Council
39	Trần Đức Mạnh	462726	4627	IELTS	Bậc 5/6	British Council
40	Nguyễn Trúc Quỳnh	462735	4627	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
41	Bùi Đông Nguyên Phương	462833	4628	IELTS	Bậc 5/6	British Council
42	Nguyễn Cao Thảo	462835	4628	IELTS	Bậc 5/6	British Council
43	Lê Thảo Anh	462902	4629	IELTS	Bậc 4/6	British Council
44	Phạm Văn Đức	462908	4629	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
45	Nguyễn Lê Huy	462913	4629	IELTS	Bậc 6/6	British Council
46	Trần Minh Khoa	462915	4629	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
47	Vũ Thị Phương Thảo	462934	4629	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 4/6	IIG VietNam
48	Trịnh Thu Trang	462937	4629	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 5/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
49	Nguyễn Kim Ngân	463027	4630	IELTS	Bậc 5/6	British Council
50	Bùi Bích Ngọc	463028	4630	IELTS	Bậc 5/6	British Council
51	Phạm Đỗ Minh Quân	463034	4630	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
52	Hoàng Thị Hải Hà	463110	4631	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
53	Lương Thị Quỳnh Nga	463121	4631	IELTS	Bậc 4/6	British Council
54	Nguyễn Mạnh Hà Phương	463128	4631	IELTS	Bậc 5/6	British Council
55	Nguyễn Thị Minh Thư	463135	4631	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
56	Lã Như Quỳnh	463141	4631	IELTS	Bậc 4/6	IDP Việt Nam
57	Phạm Thu Phương Chi	463205	4632	IELTS	Bậc 5/6	British Council
58	Nguyễn Vũ Đức Huy	463212	4632	VSTEP	Bậc 4/6	Trường Đại học Hà Nội
59	Hoàng Ngọc Mai	463220	4632	IELTS	Bậc 5/6	IDP Việt Nam
60	Nguyễn Phương Hằng	463425	4634	IELTS	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
61	Nguyễn Uyên Minh	463444	4634	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
62	Phạm Quỳnh Trang	463565	4635	Aptis ESOL	Bậc 3/6	British Council
63	Hồ Phương Thùy	463592	4635	Aptis ESOL	Bậc 3/6	British Council
64	Nguyễn Thu Trang	451204	4512	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
65	Lưu Khánh Chi	460405	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 4/6	Tổ chức Japan Foudation
66	Nguyễn Thị Kiều Giang	460407	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 4/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
67	Đào Ngọc Linh	460421	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
68	Kiều Mỹ Linh	460422	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 4/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
69	Nguyễn Thị Hồng Loan	460425	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
70	Nguyễn Phương Thủy	460441	4604	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Tổ chức Japan Foudation
71	Mai Ánh Ngọc	460634	4606	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Tổ chức Japan Foudation
72	Nguyễn Thị Hoài	462211	4622	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 4/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
73	Trần Diệu Thúy	462242	4622	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 3/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
74	Vũ Dương Quốc Việt	462256	4622	Tiếng Nhật JLPT	Bậc 4/6	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản

